



Phụ lục

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ					
<b>1</b>	<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2025</b>		<b>344,94</b>	<b>318,75</b>	<b>312,82</b>		<b>26,01</b>	<b>0,18</b>		
<b>1</b>	<b>Đất an ninh</b>		<b>0,35</b>	<b>0,35</b>	<b>0,28</b>					
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>0,20</b>	<b>0,20</b>	<b>0,20</b>					
	Xây dựng trụ sở Công an xã	xã Việt Hùng	0,20	0,20	0,20				Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng 18 trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Nam Định	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Trực Ninh
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>0,15</b>	<b>0,15</b>	<b>0,08</b>	-	-	-		
	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc công an xã	xã Xuân Phú	0,15	0,15	0,08				Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng 12 trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường
<b>2</b>	<b>Đất Quốc phòng</b>		<b>60,00</b>	<b>57,00</b>	<b>57,00</b>	-	<b>3,00</b>	-		
-	<b>Huyện Nam Trực</b>		<b>60,00</b>	<b>57,00</b>	<b>57,00</b>	-	<b>3,00</b>	-		
	Dự án xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ binh 8/Sư đoàn Bộ binh 395/Quân khu 3 (giai đoạn 1)	xã Bình Minh	60,00	57,00	57,00		3,00		Quyết định số 3704/QĐ-BQP ngày 10/8/2023 của Bộ Quốc Phòng v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Doanh trại trung đoàn bộ binh 8 - sư đoàn bộ binh 395/Quân khu 3 (giai đoạn 1)	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Nam Trực
<b>3</b>	<b>Đất Cụm công nghiệp</b>		<b>144,23</b>	<b>138,11</b>	<b>138,11</b>		<b>6,08</b>	<b>0,04</b>		
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>75,00</b>	<b>70,68</b>	<b>70,68</b>		<b>4,28</b>	<b>0,04</b>		
	Cụm công nghiệp Thăng Cường	xã Yên Thắng, xã Yên Cường	75,00	70,68	70,68		4,28	0,04	Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Thăng Cường	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Ý Yên
-	<b>Thành phố Nam Định</b>		<b>69,23</b>	<b>67,43</b>	<b>67,43</b>		<b>1,80</b>			
	Cụm công nghiệp Mỹ Thuận	xã Mỹ Thuận	69,23	67,43	67,43		1,80		Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Mỹ Thuận, thành phố Nam Định	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố Nam Định)
<b>4</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>		<b>6,47</b>	<b>5,44</b>	<b>5,44</b>		<b>1,03</b>			
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>0,50</b>	<b>0,50</b>	<b>0,50</b>					
	Dự án Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Yên Khánh, huyện Ý Yên	xã Yên Khánh	0,50	0,50	0,50				Quyết định 1394/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của UBND tỉnh phê duyệt dự án GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất.	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Ý Yên
-	<b>Thành phố Nam Định</b>		<b>5,97</b>	<b>4,94</b>	<b>4,94</b>		<b>1,03</b>			
	Dự án Trung tâm thương mại và kinh doanh dịch vụ tổng hợp tại thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nay là phường Hưng Lộc và xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định) của Công ty cổ phần Thịnh Vượng Nam Định	phường Hưng Lộc, xã Mỹ Lộc	5,97	4,94	4,94		1,03		Quyết định 1060/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố Nam Định)
<b>5</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>		<b>2,50</b>	<b>2,50</b>	<b>2,50</b>					
-	<b>Huyện Hải Hậu</b>		<b>2,50</b>	<b>2,50</b>	<b>2,50</b>					
	Xây dựng nhà máy nước sạch	xã Hải Trung	2,50	2,50	2,50				Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Trung, huyện Hải Hậu;	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Hải Hậu
<b>6</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>28,59</b>	<b>18,74</b>	<b>16,00</b>		<b>9,72</b>	<b>0,13</b>		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
-	<b>Huyện Vụ Bản</b>		<b>11,55</b>	<b>10,25</b>	<b>8,79</b>		<b>1,17</b>	<b>0,13</b>		
	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, huyện Vụ Bản	xã Minh Tân xã Minh Tân (xã Tân Khánh cũ) xã Kim Thái xã Trung Thành xã Thành Lợi (xã Liên Bảo cũ) xã Quang Trung	1,02 0,57 2,93 0,57 2,00 2,51	1,02 0,57 2,01 0,50 2,00 2,20	1,02 0,51 2,01 0,50 2,00 1,70		0,92 0,07 0,18	0,13	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, huyện Vụ Bản	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản
	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ TT xã Liên Minh đến thôn Hồ Sơn, đầu nối với tuyến đường Chợ Lồi - Đại Thắng đến QL 37B, huyện Vụ Bản	xã Liên Minh	1,95	1,95	1,05				Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ TT xã Liên Minh đến thôn Hồ Sơn, đầu nối với tuyến đường Chợ Lồi - Đại Thắng đến QL 37B, huyện Vụ Bản	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>5,52</b>	<b>4,22</b>	<b>4,22</b>		<b>1,30</b>			
	Dự án xây dựng đường giao thông tổ 10	thị trấn Lâm	1,20	1,00	1,00		0,20		Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 5/3/2021 của UBND huyện Ý Yên v/v phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng đường trục thị trấn Lâm, huyện Ý Yên (đoạn từ đền thờ Liệt sỹ đến nhà văn hóa tổ 10)	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Ý Yên
	Dự án Mở rộng đường phía Nam bờ sông S41, HT 5m, MR thêm 4m	xã Yên Thắng	4,32	3,22	3,22		1,10		Quyết định số 8558/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: cải tạo, nâng cấp tuyến đường và kè sông S41 khu vực đồng Trôi (đoạn từ trường mầm non Yên Thắng đến thôn Phúc Chi) xã Yên Thắng, huyện Ý Yên	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Ý Yên
-	<b>Huyện Nam Trực</b>		<b>11,22</b>	<b>4,07</b>	<b>2,79</b>		<b>7,15</b>			
	- Dự án cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Thanh - Nam Lợi, huyện Nam Trực	các xã: Nam Thanh, Nam Lợi	3,27	1,40	0,74		1,87		Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của HĐND tỉnh v/v quyết định chủ trương của HĐND tỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Thanh - Nam Lợi, huyện Nam Trực	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đồng Sơn - Nam Thái (đoạn từ đường TL490C đến đường Thái Hải)	các xã: Đồng Sơn, Nam Thái	2,10	0,40	0,40		1,70		Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh v/v quyết định chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đồng Sơn - Nam Thái (đoạn từ đường TL490C đến đường Thái Hải)	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Hồng - Nam Thanh, huyện Nam Trực	các xã: Nam Hồng, Nam Thanh	3,85	1,67	1,15		2,18		Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh v/v quyết định chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Hồng - Nam Thanh, huyện Nam Trực	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Cường - Nghĩa An, huyện Nam Trực	các xã: Nam Cường, Nghĩa An	2,00	0,60	0,50		1,40		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh v/v quyết định chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Cường - Nghĩa An, huyện Nam Trực	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>0,30</b>	<b>0,20</b>	<b>0,20</b>		<b>0,10</b>			
	Đường kết nối QL21B vào khu dân cư tập trung	xã Trực Nội	0,30	0,2	0,2		0,1		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án XD KDC tập trung xã Trực Nội.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh.
7	<b>Đất Thủy lợi</b>		<b>4,53</b>	<b>2,69</b>	<b>1,24</b>		<b>1,84</b>			
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>4,53</b>	<b>2,69</b>	<b>1,24</b>		<b>1,84</b>			
	Dự án Mở rộng kênh Quy Độ (của Công ty thủy lợi Bắc Nam Hà)	xã Yên Phong, thị trấn Lâm	4,53	2,69	1,24		1,84		Quyết định số 4498/QĐ-BNN-TCTL ngày 18/11/2022 của Bộ NN và PT Nông Thôn phê duyệt dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà và Xuân Thủy	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Ý Yên

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
<b>8</b>	<b>Đất công trình năng lượng</b>		<b>2,10</b>	<b>2,10</b>	<b>2,10</b>					
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>0,21</b>	<b>0,21</b>	<b>0,21</b>					
	Xây dựng xuất tuyến 22kV các lộ TBA 110 kV Xuân Trường	các xã: Xuân Thượng, Xuân Thành, Xuân Châu, Xuân Giang ( Xuân Đài, Xuân Phong), Xuân Phú, Xuân Tân, Trà Lũ (Xuân Phương), Thọ Nghiệp	0,21	0,21	0,21			Quyết định số 696/QĐ-EVNNPC ngày 20/04/2024 của tổng công ty điện lực miền bắc v/v duyệt danh mục và tạm giao KH vốn công trình ĐTXD bổ sung năm 2024 cho công ty điện lực Nam Định;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
-	<b>Huyện Giao Thủy</b>		<b>1,89</b>	<b>1,89</b>	<b>1,89</b>					
	Dự án Đường dây và TBA 110 kV Giao Thanh	các xã: Giao Châu, Giao Hải, Giao Lạc, Giao Nhân, Giao Phong, Giao Thịnh, Giao Xuân, Giao Yên, Giao Tân	1,89	1,89	1,89			Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Nam Định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
<b>9</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</b>		<b>4,29</b>	<b>4,28</b>	<b>4,28</b>		<b>0,01</b>			
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>0,90</b>	<b>0,90</b>	<b>0,90</b>					
	Xây dựng Trường mầm non khu A xã Yên Lương	xã Yên Lương	0,18	0,18	0,18			Quyết định số 6769/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện Ý Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình xây dựng 2 phòng học tầng 2 trên nhà học 1 tầng, xây mới 1 phòng học + phòng ăn, cải tạo nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ khác trường Mầm non khu A xã Yên Lương, huyện Ý Yên	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Dự án Mở rộng trường mầm non khu A	xã Yên Thắng	0,72	0,72	0,72			Quyết định số 7288/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Ý Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng 06 phòng học, cải tạo các phòng học có và các hạng mục phụ trợ khác trường mầm non xã Yên Thắng	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Ý Yên	
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>0,50</b>	<b>0,50</b>	<b>0,50</b>					
	Xây dựng Trường Mầm non Xuân Kiên, xã Xuân Phúc huyện Xuân Trường	xã Xuân Phúc (Xuân Kiên)	0,50	0,50	0,50			Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
-	<b>Huyện Nam Trực</b>		<b>0,61</b>	<b>0,60</b>	<b>0,60</b>		<b>0,01</b>			
	Công trình xây dựng khu giáo dục thể chất trường tiểu học Nam Hồng, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	xã Nam Hồng	0,21	0,21	0,21			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Nam Hồng về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu giáo dục thể chất trường tiểu học Nam Hồng, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng trường TH Nam Cường (Khu B)	xã Nam Cường	0,20	0,20	0,20			Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của HĐND xã Nam Cường về việc phê chuẩn danh mục đầu tư một số hạng mục công trình dự án đầu tư công năm 2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng trường MN Nam Thanh (Nam Long)	xã Nam Thanh	0,20	0,19	0,19		0,01	Nghị quyết số 341/NQ-VCB-HDQT (9/7/2024) của NNTMCP Ngoại thương VN v/v tài trợ đầu tư XD công trình; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND xã ngày 15/03/2024 của HĐND xã Nam Thanh việc thông qua chủ trương thực hiện: Mở rộng trường mầm non Nam Thanh (điểm trường 1) xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
-	<b>Thành phố Nam Định</b>		<b>2,28</b>	<b>2,28</b>	<b>2,28</b>					

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ, thành phố Nam Định	phường Nam Vân	2,28	2,28	2,28			Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ, thành phố Nam Định	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 TP. Nam Định	
<b>10</b>	<b>Đất sinh hoạt cộng đồng</b>		<b>0,07</b>	<b>0,07</b>	<b>0,07</b>					
-	<b>Huyện Nghĩa Hưng</b>		<b>0,07</b>	<b>0,07</b>	<b>0,07</b>					
	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư số 5	xã Nghĩa Phong	0,07	0,07	0,07			Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND huyện Nghĩa Hưng Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nhà văn hóa khu dân cư số 5, xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
<b>11</b>	<b>Đất Cơ sở tôn giáo</b>		<b>0,33</b>	<b>0,33</b>	<b>0,33</b>					
-	<b>Huyện Hải Hậu</b>		<b>0,33</b>	<b>0,33</b>	<b>0,33</b>					
	Mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Xuân Chính (xóm Trung cũ)	xã Hải Xuân	0,33	0,33	0,33			Thông báo số 1338-TB/TU ngày 22/11/2024 của Tỉnh ủy Nam Định về chủ trương mở rộng khuôn viên nhà thờ Xuân Chính xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
<b>12</b>	<b>Đất Nghĩa trang, nghĩa địa</b>		<b>2,48</b>	<b>2,48</b>	<b>2,48</b>					
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>0,80</b>	<b>0,80</b>	<b>0,80</b>					
	Mở rộng nghĩa trang phục vụ Dự án Xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình	xã Trực Tuấn	0,57	0,57	0,57			Phục vụ dự án tuyến đường xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh.	
	Mở rộng nghĩa trang phục vụ Dự án Xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình	xã Phương Định	0,23	0,23	0,23					
-	<b>Huyện Nam Trực</b>		<b>0,30</b>	<b>0,30</b>	<b>0,30</b>					
	Mở rộng nghĩa trang thôn Xối Tây	xã Nam Thanh	0,15	0,15	0,15			Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Nam Thanh về việc thông qua chủ trương hạng mục công trình Mở rộng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Nam Thanh đã đăng ký kế hoạch năm 2024	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng nghĩa trang thôn Liên Bách	xã Nam Lợi	0,03	0,03	0,03			Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 29/6/2023 của HĐND xã Nam Lợi về việc xin ý kiến thực hiện hạng mục công trình Mở rộng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Nam Lợi	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng nghĩa trang thôn Quần Lao, Bằng Hưng	xã Nam Lợi	0,03	0,03	0,03			Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 29/6/2023 của HĐND xã Nam Lợi về việc xin ý kiến thực hiện hạng mục công trình Mở rộng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Nam Lợi	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng nghĩa trang miền Liên Tỉnh	xã Nam Hồng	0,02	0,02	0,02			Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/8/2024 của HĐND xã Nam Hồng về việc mở rộng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Nam Hồng	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng nghĩa trang xóm Phong Ninh	xã Nam Hồng	0,01	0,01	0,01			Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 của HĐND xã Nam Hồng về việc quyết định chủ trương thực hiện Mở rộng nghĩa trang nhân dân xóm Tiên Đoàn, xóm Phong Ninh xã Nam Hồng	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	Mở rộng nghĩa trang Cổ Lũng	xã Bình Minh	0,03	0,03	0,03			Nghị Quyết số 06B/NQ-HĐ ngày 30/6/2023 của HĐND xã Bình Minh về việc thông qua chủ trương hạng mục Công trình mở rộng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Bình Minh đăng ký kế hoạch 2024	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trực	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Mở rộng nghĩa trang Cồn Quan	xã Bình Minh	0,03	0,03	0,03			Nghị Quyết số 06B/NQ-HĐ ngày 30/6/2023 của HĐND xã Bình Minh về việc thông qua chủ trương hạng mục Công trình mở rộng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Bình Minh đăng ký kế hoạch 2024	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Nam Trực	
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>0,84</b>	<b>0,84</b>	<b>0,84</b>					
	Mở rộng nghĩa trang xóm Thọ Vực	xã Xuân Giang (Xuân Phong)	0,75	0,75	0,75			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng nghĩa trang thôn Trung Lễ	xã Xuân Ngọc	0,09	0,09	0,09			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
-	<b>Huyện Giao Thủy</b>		<b>0,54</b>	<b>0,54</b>	<b>0,54</b>					
	Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân xóm Hải Giang	xã Giao Hải	0,20	0,20	0,20			Nghị quyết số 04/NQ-HDND ngày 27/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình mở rộng khuôn viên nghĩa trang nhân dân xã Giao Hải, huyện Giao Thủy	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân xóm Hoàn Đông	xã Giao Xuân	0,10	0,10	0,10			Nghị quyết số 31/NQ-HDND ngày 17/5/2023 của Hội đồng nhân dân xã về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án công trình nâng cấp, mở rộng nghĩa trang nhân dân Hoàn Đông, xã Giao Xuân	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân xóm Xuân Hoàn	xã Giao Xuân	0,10	0,1	0,1			Nghị quyết số 61/NQ-HDND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Giao Thủy về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Dự án mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ	xã Giao Phong	0,14	0,14	0,14			Nghị quyết số 30/NQ-HDND ngày 29/6/2023 của Hội đồng nhân dân xã Giao Phong về việc phê chuẩn chủ trương công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang liệt sỹ xã Giao Phong huyện Giao Thủy.	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
<b>13</b>	<b>Đất ở</b>		<b>89,00</b>	<b>84,66</b>	<b>82,99</b>		<b>4,33</b>	<b>0,01</b>		
<b>13.1</b>	<b>Đất ở đô thị</b>		<b>5,35</b>	<b>5,23</b>	<b>5,22</b>		<b>0,12</b>			
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>0,60</b>	<b>0,60</b>	<b>0,60</b>					
	Đầu giá QSDĐ tổ 7 vị trí 1	thị trấn Lâm	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ tổ 7 vị trí 2	thị trấn Lâm	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ tổ 7 vị trí 3	thị trấn Lâm	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ tổ 7 vị trí 4	thị trấn Lâm	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ tổ 7 vị trí 5	thị trấn Lâm	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ tổ 7 vị trí 6	thị trấn Lâm	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>0,03</b>	<b>0,03</b>	<b>0,02</b>					
	Đầu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố Tân Ninh	TT. Ninh Cường	0,03	0,03	0,02				Phù hợp với QHSDĐ đất đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
-	<b>Huyện Nghĩa Hưng</b>		<b>0,47</b>	<b>0,47</b>	<b>0,47</b>					
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (vị trí 1)	TT Quý Nhất	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (vị trí 2)	TT Quý Nhất	0,11	0,11	0,11				Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (vị trí 3)	TT Quý Nhất	0,33	0,33	0,33				Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>0,97</b>	<b>0,97</b>	<b>0,97</b>					

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở (Vị trí 1)	TT. Xuân Trường	0,07	0,07	0,07					
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở (Vị trí 2)	TT. Xuân Trường	0,90	0,90	0,90				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
-	<b>Huyện Giao Thủy</b>		<b>3,28</b>	<b>3,16</b>	<b>3,16</b>		<b>0,12</b>			
	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng xóm 4 (mở rộng) xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy	TT. Giao Thủy	3,28	3,16	3,16		0,12	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 4 xã Hoàn Sơn (mở rộng), huyện Giao Thủy	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
<b>13.2</b>	<b>Đất ở nông thôn</b>		<b>83,65</b>	<b>79,43</b>	<b>77,77</b>		<b>4,21</b>	<b>0,01</b>		
-	<b>Huyện Vụ Bản</b>		<b>20,05</b>	<b>18,60</b>	<b>18,10</b>		<b>1,45</b>			
	Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản (Cửa Đường thôn Phú Lão)	xã Minh Tân (xã Minh Thuận cũ)	5,0	4,8	4,30		0,20	Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản (Cửa Đường thôn Phú Lão)	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Đại Thắng	xã Đại Thắng	3,0	2,7	2,70		0,30	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Đại Thắng	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung Chằm Cà, xã Tân Khánh	xã Minh Tân (xã Tân Khánh cũ)	4,8	4,6	4,60		0,20	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu dân cư tập trung Chằm Cà, xã Tân Khánh	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung	xã Quang Trung	3,0	2,77	2,77		0,23	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Mã Vũ, Hà Kiệt, xã Minh Tân, huyện Vụ Bản	xã Minh Tân	3,0	2,48	2,48		0,52	Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Mã Vũ, Hà Kiệt, xã Minh Tân, huyện Vụ Bản	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ Khu dân cư xóm Cầu	xã Kim Thái	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ thôn Quảng Cư Trại Bèo	xã Tam Thanh	0,10	0,1	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ khu cửa Vườn Vông	xã Liên Minh	0,10	0,1	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm 8	xã Thành Lợi (xã Tân Thành cũ)	0,09	0,09	0,09				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ thôn Bái Phạm	xã Trung Thành	0,10	0,1	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ Đông Đê	xã Minh Tân	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ thôn Kênh Đào	xã Minh Tân (xã Minh Thuận cũ)	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá quyền sử dụng đất	xã Minh Tân (xã Minh Thuận cũ)	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Phú Lão	xã Minh Tân (xã Minh Thuận cũ)	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSD đất Bắc Đình thôn Hạ Xá	xã Minh Tân (xã Tân Khánh cũ)	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSD đất khu Lân Đông thôn Phú thôn	xã Minh Tân (xã Tân Khánh cũ)	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSD đất tại khu vực Cửa Ngăn Lập Vũ	xã Hợp Hưng	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSD đất thôn Thiện An	xã Đại Thắng	0,10	0,1	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSD đất mẫu tám thôn Cự Hào	xã Vinh Hào	0,10	0,1	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ tại Đường Đê, thôn Phú Đa	xã Hiến Khánh	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Thượng Đồng	xã Hiến Khánh	0,20	0,2	0,20				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Lờ Triệu	xã Hiến Khánh	0,1	0,1	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
-	<b>Huyện Ý Yên</b>		<b>4,17</b>	<b>3,94</b>	<b>3,66</b>		<b>0,22</b>	<b>0,01</b>		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Dự án Khu Tái định cư Đập Đuôi	xã Phú Hưng (xã Yên Phú cũ)	0,17	0,15	0,15		0,02	Quyết định số 397/QĐ-BNN-TCCTL ngày 6/10/2015 của Bộ NN và PTNT về việc phê duyệt thiết kế BVTC- Dự toán dự án xây dựng công Đập Đuôi và nạo vét hệ thống kênh Thiên Phái, huyện Ý Yên	Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn An Thị	xã Yên Bình	0,14	0,14	0,14				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn La Ngan vị trí 2	xã Yên Đồng	0,14	0,14	0,14				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Hưng, thôn Đô Quan vị trí 2	xã Yên Khang	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Hưng, thôn Đô Quan vị trí 3	xã Yên Khang	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Hưng, thôn Đô Quan vị trí 4	xã Yên Khang	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Hưng, thôn Đô Quan vị trí 5	xã Yên Khang	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn An Lạc	xã Yên Khánh	0,03	0,03	0,01				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn La Xuyên	xã Yên Ninh	0,15	0,15	0,15				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Lũ Phong	xã Yên Ninh	0,15	0,15	0,15				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Ninh Xá	xã Yên Ninh	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Từ Vinh vị trí 1	xã Yên Lương	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Từ Vinh vị trí 2	xã Yên Lương	0,12	0,12	0,12				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Đồng Tân vị trí 1	xã Yên Lộc	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Thôn Thiện Mỹ vị trí 1	xã Yên Mỹ	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Thôn Thiện Mỹ vị trí 2	xã Yên Mỹ	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm 5, xóm 6 vị trí 1	xã Yên Nhân	0,10	0,10	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm 5, xóm 6 vị trí 2	xã Yên Nhân	0,10	0,10	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm 5, xóm 6 vị trí 3	xã Yên Nhân	0,10	0,10	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Đông Duy vị trí 1	xã Hồng Quang (Yên Quang cũ)	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Đông Duy vị trí 2	xã Hồng Quang (Yên Quang cũ)	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Lương Xưa vị trí 2	xã Tân Minh (xã Yên Minh cũ)	0,10	0,04	0,04		0,06		Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Ba Thượng vị trí 2	xã Tân Minh (xã Yên Minh cũ)	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Nhất Nhi vị trí 1	xã Tân Minh (xã Yên Minh cũ)	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Nhất Nhi vị trí 2	xã Tân Minh (xã Yên Minh cũ)	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Nhất Nhi vị trí 3	xã Tân Minh (xã Yên Minh cũ)	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Mai Độ Vị vị trí 1	xã Tân Minh (xã Yên Tân cũ)	0,09	0,09	0,02				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn An Sòng	xã Tân Minh (xã Yên Tân cũ)	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Hạ vị trí 1	xã Tân Minh (xã Yên Tân cũ)	0,10	0,05	0,05		0,04	0,01	Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Hạ vị trí 2	xã Tân Minh (xã Yên Tân cũ)	0,09	0,09	0,09				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Trong	xã Yên Trị	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đầu giá QSDĐ thôn Bình Thượng vị trí 1	xã Yên Thọ	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Bình Thượng vị trí 2	xã Yên Thọ	0,17	0,17	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Minh Thọ	xã Trung Nghĩa (xã Yên Thành cũ)	0,10	0,05	0,05		0,05		Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Hoàng Giang thôn Quang Trung	xã Trung Nghĩa (xã Yên Trung cũ)	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Văn Mỹ thôn Quang trung	xã Trung Nghĩa (xã Yên Trung cũ)	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Nha vị trí 1	xã Trung Nghĩa (xã Yên Nghĩa cũ)	0,10	0,07	0,07		0,03		Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Trung Nha vị trí 2	xã Trung Nghĩa (xã Yên Nghĩa cũ)	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ thôn Nhân Nghĩa vị trí 1	xã Trung Nghĩa (xã Yên Nghĩa cũ)	0,10	0,08	0,08		0,02		Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Chùa vị trí 1	xã Yên Thắng	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Chùa vị trí 2	xã Yên Thắng	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Chùa vị trí 3	xã Yên Thắng	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Chùa vị trí 4	xã Yên Thắng	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Hậu vị trí 1	xã Yên Thắng	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
	Đầu giá QSDĐ xóm Hậu vị trí 2	xã Yên Thắng	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSD đất đến năm 2030 huyện Ý Yên	
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>25,78</b>	<b>24,17</b>	<b>23,98</b>		<b>1,61</b>			
	Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Đoài 2, xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh	xã Việt Hùng	1,67	1,49	1,49		0,18		Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Đoài 2, xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Trực Ninh
	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư xóm 7, xã Trực Khang, huyện Trực Ninh	xã Trực Khang	5,10	4,82	4,82		0,28		Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư xóm 7, xã Trực Khang, huyện Trực Ninh	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Trực Ninh
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trực Nội, huyện Trực Ninh	xã Trực Nội	2,40	2,20	2,20		0,20		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trực Nội, huyện Trực Ninh	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Trực Ninh
	Điểm TĐC phân tán 01 thôn Hưng Mỹ	xã Trực Mỹ	0,41	0,35	0,35		0,06		Thu hồi đất giao đất tái định cư phục vụ dự án tuyến đường xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Trực Ninh
	Điểm TĐC phân tán 02 thôn Hưng Mỹ	xã Trực Mỹ	0,57	0,47	0,47		0,10			
	Điểm TĐC phân tán 03 thôn Hưng Mỹ	xã Trực Mỹ	0,17	0,11	0,11		0,06			
	Điểm TĐC phân tán 04 thôn Hưng Mỹ	xã Trực Mỹ	0,64	0,55	0,55		0,09			
	Điểm TĐC phân tán 05 thôn Hưng Mỹ	xã Trực Mỹ	0,55	0,51	0,51		0,04			
	Điểm TĐC phân tán thôn Sa Ba 1	xã Trực Nội	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
	Điểm TĐC phân tán thôn Sa Ba 2	xã Trực Nội	0,05	0,05	0,05					
	Điểm TĐC phân tán thôn Dương Thiện	xã Trực Nội	0,72	0,70	0,64		0,02			
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lăng	xã Trực Nội	0,99	0,95	0,95		0,04			
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lăng 1	xã Trực Nội	0,06	0,06	0,06					
	Điểm TĐC phân tán thôn Thái Lăng 2	xã Trực Nội	0,08	0,08	0,08					



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Điểm TDC phân tán thôn Thái Lăng 3	xã Trục Nội	0,19	0,19	0,19					
	Điểm TDC phân tán thôn Thái Lăng 4	xã Trục Nội	0,11	0,11	0,11					
	Điểm TDC phân tán xóm Minh Đức 1	xã Trung Đông	0,84	0,82	0,82		0,02	Thu hồi đất giao đất tái định cư phục vụ dự án tuyến đường xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh.	
	Điểm TDC phân tán xóm Minh Đức 2	xã Trung Đông	0,70	0,66	0,66		0,04			
	Điểm TDC phân tán xóm Mỹ Lăng	xã Phương Định	0,12	0,12	0,12					
	Điểm TDC phân tán khu Cánh Buồm	xã Phương Định	0,42	0,41	0,41		0,01			
	Điểm TDC phân tán khu Quang Châu	xã Phương Định	0,99	0,93	0,93		0,06			
	Điểm TDC phân tán Đồng Đa	xã Trục Đạo	0,96	0,96	0,96					
	Điểm TDC phân tán Đồng Giá	xã Trục Đạo	0,94	0,88	0,88		0,06			
	Điểm TDC phân tán xóm Bằng Trang	xã Trục Thanh	0,43	0,40	0,40		0,03			
	Điểm TDC phân tán thôn Tân Khang	xã Trục Thuận	0,26	0,26	0,13					
	Điểm TDC phân tán thôn Đông Hà	xã Trục Thuận	0,85	0,80	0,80		0,05		Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Điểm TDC phân tán thôn Hải Lộ Cự 2	xã Liêm Hải	0,98	0,98	0,98				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Điểm TDC phân tán đường Hưng Mỹ	xã Trục Hưng	0,68	0,60	0,60		0,08			
	Điểm TDC phân tán thôn Quý Trại	xã Trục Hưng	0,44	0,44	0,44				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Điểm TDC phân tán thôn 4 Nam Trục	xã Trục Khang	0,99	0,80	0,80		0,19		Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Cường Trung	xã Trục Đại	0,13	0,13	0,13				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Tiên Phong	xã Trục Đại	0,50	0,50	0,50				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Cường Trung	xã Trục Đại	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Trung Cường	xã Trục Đại	0,09	0,09	0,09				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Cường Thịnh	xã Trục Đại	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Đông Thượng	xã Trung Đông	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Phong Thái	xã Trục Cường	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Long Phú	xã Trục Cường	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Thám Nghĩa	xã Trục Cường	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Phong Thái	xã Trục Cường	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Đồng Thái	xã Trục Cường	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm An Khang	xã Trục Cường	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Đồng Thái	xã Trục Cường	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Phong Thái	xã Trục Cường	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm An Khang	xã Trục Cường	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Phúc Lâm	xã Trục Thái	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Bắc Cường	xã Trục Thái	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Tân Phú	xã Trục Thái	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Nam Cường	xã Trục Thái	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Đoài	xã Việt Hùng	0,12	0,12	0,12				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại xóm Hùng Cường	xã Việt Hùng	0,25	0,25	0,25				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hưng Lễ	xã Trục Hưng	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hải Lộ Thượng	xã Liêm Hải	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hải Lộ Cự 2	xã Liêm Hải	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Nam Thành	xã Liêm Hải	0,33	0,33	0,33				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hải Lộ Cự 2	xã Liêm Hải	0,15	0,15	0,15				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trục Ninh	
-	<b>Huyện Nam Trục</b>		<b>4,44</b>	<b>4,44</b>	<b>4,44</b>					
	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh 2, huyện Nam Trục	xã Tân Thịnh	3,70	3,70	3,70			Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh 2, huyện Nam Trục	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trục	
	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu vực thôn Dừa Thự	xã Hồng Quang	0,20	0,20	0,20				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trục	
	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu vực Nho Lâm	xã Bình Minh	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trục	
	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu vực U - Sa Lung	xã Đồng Sơn	0,40	0,40	0,40				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nam Trục	
	Đầu giá quyền sử dụng đất khu vực xóm 4, thôn 2	xã Nam Hải	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 của huyện Nam Trục	
	Đầu giá quyền sử dụng đất khu vực xóm 16, thôn 6	xã Nam Hải	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 của huyện Nam Trục	
	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu vực Chính Trang	xã Nam Thái	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 của huyện Nam Trục	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp		Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa					Đất rừng phòng hộ
-	<b>Huyện Nghĩa Hưng</b>		<b>0,68</b>	<b>0,68</b>	<b>0,68</b>					
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (vị trí 1)	xã Hoàng Nam	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (vị trí 2)	xã Hoàng Nam	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Nghĩa Hưng	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Nghĩa Trung	0,57	0,57	0,57				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
-	<b>Huyện Hải Hậu</b>		<b>15,64</b>	<b>15,37</b>	<b>15,36</b>	<b>0,27</b>				
	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Anh	xã Hải Anh	1,25	1,25	1,25			Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Anh, huyện Hải Hậu;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Khu dân cư tập trung xã Hải Đông	xã Hải Đông	5,00	5,00	5,00			Nghị quyết 64/NQ-HĐND tỉnh Nam Định ngày 17/6/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư tập trung xã Hải Đông.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Bắc	TT. Yên Định (xã Hải Bắc cũ)	4,50	4,30	4,30	0,2		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư tập trung xã Hải Bắc.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 2	xã Hải An	0,24	0,24	0,24				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 4	xã Hải An	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 6	xã Hải An	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 5	xã Hải An	0,27	0,27	0,27				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 8	xã Hải An	0,14	0,14	0,14				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 9	xã Hải An	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 10	xã Hải Châu	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 3	xã Hải Châu	0,14	0,14	0,14				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 7	xã Hải Châu	0,23	0,23	0,23				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Hải Điền	xã Hải Đông	0,16	0,16	0,16				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Nam Châu	xã Hải Đông	0,32	0,32	0,32				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Dũng Tiên (vị trí 1)	xã Hải Hưng	0,30	0,30	0,30				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Dũng Tiên (vị trí 2)	xã Hải Hưng	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Hưng Thịnh	xã Hải Hưng	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 8	xã Hải Hưng (xã Hải Hà cũ)	0,18	0,18	0,18				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 1	xã Hải Hưng (xã Hải Hà cũ)	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Trần Cường	xã Hải Hưng (xã Hải Thanh cũ)	0,13	0,13	0,13				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Nguyễn Châm	xã Hải Hưng (xã Hải Thanh cũ)	0,12	0,12	0,12				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 6	xã Hải Minh	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 3	xã Hải Nam	0,09	0,09	0,09				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Phương Đông	xã Hải Nam (xã Hải Phúc cũ)	0,14	0,14	0,14				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Phú Hải	xã Hải Nam (xã Hải Phúc cũ)	0,10	0,10	0,09				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Minh Thiện	xã Hải Phú	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Lư Rong vị trí 1	xã Hải Phú	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Lư Rong vị trí 2	xã Hải Phú	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Quang Hải	xã Hải Quang	0,12	0,12	0,12				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Quang Phương	xã Hải Quang	0,28	0,22	0,22	0,06			Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Quang Tây (vị trí 1)	xã Hải Quang	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Quang Tây (vị trí 2)	xã Hải Quang	0,09	0,08	0,08		0,01		Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm Quang Nam	xã Hải Quang	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 3	xã Hải Sơn	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 1 (vị trí 1)	xã Hải Tân	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 1 (vị trí 2)	xã Hải Tân	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 1 (vị trí 5)	xã Hải Tân	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 1 (vị trí 6)	xã Hải Tân	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 1 (vị trí 8)	xã Hải Tân	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 5 (vị trí 1)	xã Hải Tân	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 4 (vị trí 1)	xã Hải Tây	0,07	0,07	0,07				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 4 (vị trí 2)	xã Hải Tây	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 3	xã Hải Tây	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 4 (vị trí 1)	xã Hải Trung	0,20	0,20	0,20				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 4 (vị trí 2)	xã Hải Trung	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 4 (vị trí 3)	xã Hải Trung	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 16	xã Hải Trung	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 5	xã Hải Trung	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 15 (vị trí 1)	xã Hải Trung	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất xóm 15 (vị trí 2)	xã Hải Trung	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Đầu giá quyền sử dụng đất	xã Hải Xuân	0,06	0,06	0,06				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>5,32</b>	<b>5,26</b>	<b>4,58</b>		<b>0,06</b>			
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD	xã Xuân Phúc (Xuân Hòa)	0,20	0,20	0,20				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 4)	xã Xuân Hồng	0,02	0,02	0,02			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 5)	xã Xuân Hồng	0,02	0,02	0,02					
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 6)	xã Xuân Hồng	0,03	0,03	0,03					
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 7)	xã Xuân Hồng	0,05	0,05	0,05			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 8)	xã Xuân Hồng	0,13	0,13	0,13					
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 9)	xã Xuân Hồng	0,02	0,02	0,02					
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 10)	xã Xuân Hồng	0,03	0,03	0,03					
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 11)	xã Xuân Giang (Xuân Đài cũ)	0,60	0,56	0,56		0,04	Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 12)	xã Xuân Giang (Xuân Đài cũ)	0,03	0,03	0,03			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDD (vị trí 14)	xã Xuân Giang (Xuân Phong cũ)	0,08	0,06	0,06		0,02			

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ (vị trí 15)	xã Xuân Giang (Xuân Phong cũ)	0,05	0,05	0,05			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ (vị trí 16)	xã Xuân Giang (Xuân Thủy cũ)	0,69	0,69	0,69					
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ (vị trí 3)	xã Xuân Ngọc	0,50	0,50	0,50			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ (vị trí 4)	xã Xuân Tân	0,75	0,75	0,75					
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ (vị trí 5)	xã Xuân Tân	0,17	0,17	0,17			Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường.	
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ (vị trí 3)	xã Xuân Thành	0,72	0,72	0,72					
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Thọ Nghiệp (Vị trí 3)	xã Thọ Nghiệp	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Trà Lũ (Vị trí 1)	xã Trà Lũ (Xuân Phương)	0,27	0,27	0,27				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở (Vị trí 3)	xã Xuân Châu	0,24	0,24	0,24				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Ngọc (Vị trí 1)	xã Xuân Ngọc	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phúc (Vị trí 1)	xã Xuân Phúc (Xuân Kiên)	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phúc (Vị trí 2)	xã Xuân Phúc (Xuân Kiên)	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phúc (Vị trí 3)	xã Xuân Phúc (Xuân Kiên)	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phú (Vị trí 1)	xã Xuân Phú	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phú (Vị trí 2)	xã Xuân Phú	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phú (Vị trí 3)	xã Xuân Phú	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Phú (Vị trí 4)	xã Xuân Phú	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Thượng (Vị trí 1)	xã Xuân Thượng	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Thượng (Vị trí 2)	xã Xuân Thượng	0,08	0,08	0,08				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
-	<b>Huyện Giao Thủy</b>		<b>7,53</b>	<b>6,93</b>	<b>6,93</b>		<b>0,60</b>			
	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy	xã Giao Xuân	6,88	6,28	6,28		0,6	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 7 (điểm số 1)	xã Hồng Thuận	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 7 (điểm số 2)	xã Hồng Thuận	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 5	xã Hồng Thuận	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 8 (Điểm số 1)	xã Hồng Thuận	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 8 (Điểm số 2)	xã Hồng Thuận	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 2 (Điểm số 1)	xã Hồng Thuận	0,05	0,05	0,05				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 2 (Điểm số 2)	xã Hồng Thuận	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 2 (Điểm số 3)	xã Hồng Thuận	0,02	0,02	0,02				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm 6	xã Hồng Thuận	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm Xuân Thắng	xã Giao Xuân	0,04	0,04	0,04				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm Dịch Giáo Tây (điểm số 1)	xã Giao Tân	0,09	0,09	0,09				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm Sơn Châu Tây (điểm số 1)	xã Giao Hà	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm Sơn Châu Tây (điểm số 2)	xã Giao Hà	0,10	0,10	0,10				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xóm Sơn Châu Tây (điểm số 3)	xã Giao Hà	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Giao Thủy	
-	<b>Thành phố Nam Định</b>		<b>0,04</b>	<b>0,04</b>	<b>0,04</b>					
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Mỹ Thuận	0,03	0,03	0,03				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 thành phố Nam Định (huyện Mỹ Lộc cũ)	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Mỹ Thắng	0,01	0,01	0,01				Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 thành phố Nam Định (huyện Mỹ Lộc cũ)	
<b>II</b>	<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, CHUYỂN TIẾP</b>		<b>58,94</b>	<b>55,38</b>	<b>54,19</b>		<b>3,56</b>			
<b>1</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>		<b>1,46</b>	<b>1,46</b>	<b>1,46</b>					
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>1,46</b>	<b>1,46</b>	<b>1,46</b>					
	Dự án Xây dựng khu thương mại dịch vụ (Trạm xăng dầu của Công ty CP tập đoàn đầu tư phát triển Trường An)	xã Trung Đông	0,50	0,50	0,50			Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
	Dự án Kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Trực Ninh	xã Trung Đông	0,96	0,96	0,96			Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, nay đề nghị chuyển tiếp để thực hiện dự án	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
<b>2</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>		<b>25,27</b>	<b>23,18</b>	<b>22,73</b>		<b>2,09</b>			
-	<b>Huyện Vụ Bản</b>		<b>17,12</b>	<b>15,82</b>	<b>15,74</b>		<b>1,30</b>			
	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất và dịch vụ hàng thủ công mỹ nghệ của công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại Trần Gia	Thị trấn Gôi	6,90	6,13	6,05		0,77	Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đã được HĐND tỉnh thông qua tại NQ số 45/NQ-HĐND ngày 24/10/2019.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
	Dự án xây dựng tổ hợp sản xuất vaccine và các sản phẩm sinh phẩm của công ty cổ phần DS Invest Nam Định	xã Vĩnh Hào	10,22	9,69	9,69		0,53	Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đã được HĐND tỉnh thông qua tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>4,44</b>	<b>3,65</b>	<b>3,65</b>		<b>0,79</b>			
	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em và bao bì cát tổng Hoàng Anh	xã Trung Đông	4,14	3,35	3,35		0,79	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 26/8/2022.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Dự án Mở rộng nhà máy nước sạch Trung Đông của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng VIETCOM	xã Trung Đông	0,30	0,30	0,30			Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 và Nghị quyết 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
-	<b>Huyện Hải Hậu</b>		<b>3,71</b>	<b>3,71</b>	<b>3,34</b>					
	Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất Việt Tấn	xã Hải Xuân (xã Hải Cường cũ)	2,71	2,71	2,34			- Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án Xây dựng nhà máy sản xuất Việt Tấn tại xã Hải Cường, huyện Hải Hậu; - Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 08/12/2020.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Trạm tăng áp nhà máy nước	TT. Thịnh Long	0,60	0,60	0,60			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 08/12/2020. Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 5/1/2024 về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án nhà máy nước sạch Hải Minh tại huyện Hải Hậu	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
	Trạm tăng áp nhà máy nước	xã Hải Xuân (xã Hải Cường cũ)	0,40	0,40	0,40			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, nay đề nghị chuyển tiếp để thực hiện dự án; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 5/1/2024 về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án nhà máy nước sạch Hải Minh tại huyện Hải Hậu	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
<b>3</b>	<b>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</b>		<b>0,16</b>	<b>0,16</b>	<b>0,06</b>					
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>0,16</b>	<b>0,16</b>	<b>0,06</b>					
	Mở rộng trường tiểu học Khu B	xã Thọ Nghiệp	0,16	0,16	0,06			Văn bản số 554/UBND-TCKH ngày 04/08/2023 của UBND huyện v/v triển khai thực hiện công trình xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ; Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; QĐ chủ trương số 1470 ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
<b>4</b>	<b>Đất công trình năng lượng</b>		<b>2,47</b>	<b>2,46</b>	<b>2,44</b>		<b>0,01</b>			
-	<b>Huyện Nghĩa Hưng</b>		<b>0,61</b>	<b>0,60</b>	<b>0,58</b>		<b>0,01</b>			
	Đường dây và TBA 110kv Đông Bình	các xã: Nghĩa Lạc, Nghĩa Phong, Phúc Thắng, Nghĩa Lợi, Nghĩa Thành và TT Quý Nhất	0,61	0,60	0,58		0,01	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021. Quyết định số 3808/QĐ-EVNNPC ngày 31/12/2020 của Tổng công ty Điện lực miền bắc QĐ phê duyệt báo cáo NCKT ĐTXD dự án;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
-	<b>Huyện Hải Hậu</b>		<b>1,86</b>	<b>1,86</b>	<b>1,86</b>					
	Xây dựng Xuất tuyến 110 Kv lộ 173, 174 Trạm 220 KV Trực Ninh	xã Hải Nam (xã Hải Vân cũ)	0,48	0,48	0,48			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, nay đề nghị chuyển tiếp để thực hiện dự án; Văn bản số 52/UBND-VP5 ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc thống nhất hướng tuyến đường dây xuất tuyến 110Kv lộ 173, 174 Trạm 220 KV Trực Ninh;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đường dây và TBA 110Kv Thịnh Long	xã Hải Giang, xã Hải Phong, xã Hải Ninh, xã Hải Phú, xã Hải Châu	1,38	1,38	1,38			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, nay đề nghị chuyển tiếp để thực hiện dự án; Văn bản số 437/UBND-Vp5 ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về chấp thuận hướng tuyến đường dây và trạm biến áp;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Hải Hậu	
<b>5</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>3,40</b>	<b>3,15</b>	<b>3,15</b>		<b>0,25</b>			
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>3,40</b>	<b>3,15</b>	<b>3,15</b>		<b>0,25</b>			
	Mở rộng đường giao thông từ Ngã tư Xuân Tiến đi uỷ ban xã Xuân Hoà (huyện lộ 2) Sau chùa đến đường tỉnh 489C	xã Xuân Phúc (Xuân Hòa)	1,00	1,00	1,00			CV số 703/UBND-TCKH ngày 20/09/2023 của UBND huyện v/v triển khai thực hiện công trình mở rộng đường giao thông; Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 với diện tích 0,48 ha, tên gọi Mở rộng đường giao thông xã (điều chỉnh tên gọi và bổ sung diện tích)	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm đón trả khách kinh doanh dịch vụ và bến xe tỉnh Thành Nam của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và khoáng sản Thành Nam	xã Xuân Ninh	2,40	2,15	2,15		0,25	Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
<b>6</b>	<b>Đất ở</b>		<b>23,80</b>	<b>23,07</b>	<b>22,45</b>		<b>0,73</b>			
<b>6.1</b>	<b>Đất ở đô thị</b>		<b>5,99</b>	<b>5,79</b>	<b>5,79</b>		<b>0,20</b>			
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>5,99</b>	<b>5,79</b>	<b>5,79</b>		<b>0,20</b>			
	Dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh	TT. Ninh Cường	5,60	5,40	5,40		0,20	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 và Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
	Đầu giá QSDD TDP Tân Ninh (vị trí 1)	TT. Ninh Cường	0,04	0,04	0,04					
	Đầu giá QSDD TDP Tân Ninh (vị trí 2)	TT. Ninh Cường	0,07	0,07	0,07			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 và Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 06/7/2022.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Trực Ninh	
	Đầu giá QSDD TDP Tân Ninh (vị trí 3)	TT. Ninh Cường	0,11	0,11	0,11					
	Đầu giá QSDD TDP Minh Nghĩa	TT. Ninh Cường	0,17	0,17	0,17					
<b>6.2</b>	<b>Đất ở nông thôn</b>		<b>17,81</b>	<b>17,28</b>	<b>16,66</b>		<b>0,53</b>			
-	<b>Huyện Vụ Bản</b>		<b>10,50</b>	<b>10,50</b>	<b>10,35</b>					
	Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Kim Thái, huyện Vụ Bản	xã Kim Thái	10,50	10,50	10,35			NQ số 35/NQ-HĐND ngày 26/4/2022, NQ số 58/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về chủ trương đầu tư dự án;	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Vụ Bản	
-	<b>Huyện Trực Ninh</b>		<b>2,14</b>	<b>1,78</b>	<b>1,76</b>		<b>0,36</b>			
	Đầu giá QSDD cho nhân dân làm nhà ở và giao đất tái định cư xóm Chín	xã Việt Hùng	1,00	1,00	1,00					
	Đầu giá QSDD thôn Trung Quân	xã Trực Đại	0,13	0,13	0,13					
	Đầu giá QSDD thôn Cống Vòng Trung Lý	xã Trực Mỹ	0,35	0,10	0,10		0,25			
	Đầu giá QSDD xóm Trung Thành	xã Trực Thái	0,05	0,05	0,05					
	Đầu giá QSDD xóm Nam Phú	xã Trực Thái	0,17	0,17	0,17					
	Đầu giá QSDD thôn Vạn Thắng	xã Trực Thắng	0,04	0,04	0,02					
	Đầu giá QSDD thôn Cống Giáp	xã Trực Thuận	0,20	0,09	0,09		0,11			
	Đầu giá QSDD thôn Bình Thành	xã Trực Chính	0,20	0,20	0,20					
-	<b>Huyện Nghĩa Hưng</b>		<b>0,40</b>	<b>0,40</b>	<b>0,40</b>					

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Hoàng Nam	0,22	0,22	0,22		-	Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Hoàng Nam	0,06	0,06	0,06			Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Nghĩa Hồng	0,06	0,06	0,06		-	Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
	Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Nghĩa Thành	0,06	0,06	0,06		-	Đã được thông qua tại Nghị Quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021.	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng	
-	<b>Huyện Xuân Trường</b>		<b>4,77</b>	<b>4,60</b>	<b>4,15</b>		<b>0,17</b>			
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDĐ xã Xuân Giang (Vị trí 17)	xã Xuân Giang (Xuân Thù)	0,32	0,32	0,32			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Điểm tái định cư và đầu giá QSDĐ xã Xuân Giang (Vị trí 18)	xã Xuân Giang (Xuân Thù)	0,13	0,13	0,13			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Thọ Nghiệp (Vị trí 2)	xã Thọ Nghiệp	0,20	0,20	0,20			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Thọ Nghiệp (Vị trí 3)	xã Thọ Nghiệp	0,05	0,05	0,05			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở (Vị trí 4)	xã Trà Lũ (Xuân Phương)	0,12	0,12	0,12			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Trà Lũ (Vị trí 5)	xã Trà Lũ (Xuân Bắc)	0,04	0,04	0,04			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Trà Lũ (Vị trí 6)	xã Trà Lũ (Xuân Bắc)	0,03	0,03	0,03			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Trà Lũ (Vị trí 7)	xã Trà Lũ (Xuân Bắc)	0,15	0,15	0,15			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Trà Lũ (Vị trí 8)	xã Trà Lũ (Xuân Bắc)	0,04	0,04	0,04			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Châu (Vị trí 1)	xã Xuân Châu	0,10	0,10	0,10			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Giang (Vị trí 1)	xã Xuân Giang (Xuân Phong)	0,02	0,02	0,02			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Giang (Vị trí 2)	xã Xuân Giang (Xuân Thù)	0,12	0,12	0,02			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Giang (Vị trí 3)	xã Xuân Giang (Xuân Thù)	0,14	0,14	0,06			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Hồng (Vị trí 1)	xã Xuân Hồng	0,26	0,25	0,08		0,01	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Hồng (Vị trí 2)	xã Xuân Hồng	0,03	0,03	0,02			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Hồng (Vị trí 3)	xã Xuân Hồng	0,15	0,10	0,03		0,05	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Hồng (Vị trí 4)	xã Xuân Hồng	0,02	0,02	0,02			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Ngọc (Vị trí 2)	xã Xuân Ngọc	0,06	0,06	0,06			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Ninh (Vị trí 1)	xã Xuân Ninh	0,28	0,17	0,17		0,11	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phú (Vị trí 5)	xã Xuân Phú	0,10	0,10	0,10			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phú (Vị trí 6)	xã Xuân Phú	0,17	0,17	0,17			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phú (Vị trí 7)	xã Xuân Phú	0,05	0,05	0,05			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phú (Vị trí 8)	xã Xuân Phú	0,10	0,10	0,10			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Xuân Trường	



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích thực hiện dự án	Đất nông nghiệp			Đất phi NN	Đất CSD	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 6)	xã Xuân Phúc (Xuân Hòa)	0,07	0,07	0,07			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 7)	xã Xuân Phúc (Xuân Hòa)	0,03	0,03	0,03			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 8)	xã Xuân Phúc (Xuân Hòa)	0,11	0,11	0,11			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 4)	xã Xuân Phúc (Xuân Kiên)	0,06	0,06	0,06			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 5)	xã Xuân Phúc (Xuân Kiên)	0,03	0,03	0,01			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 9)	xã Xuân Phúc (Xuân Tiến)	0,09	0,09	0,09			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 10)	xã Xuân Phúc (Xuân Tiến)	0,04	0,04	0,04			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 11)	xã Xuân Phúc (Xuân Tiến)	0,04	0,04	0,04			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 12)	xã Xuân Phúc (Xuân Tiến)	0,40	0,40	0,40			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 13)	xã Xuân Phúc (Xuân Tiến)	0,40	0,40	0,40			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Phúc (Vị trí 14)	xã Xuân Phúc (Xuân Tiến)	0,23	0,23	0,23			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Tân (Vị trí 1)	xã Xuân Tân	0,14	0,14	0,14			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Thành (Vị trí 1)	xã Xuân Thành	0,07	0,07	0,07			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Thượng (Vị trí 3)	xã Xuân Thượng	0,09	0,09	0,09			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Thượng (Vị trí 4)	xã Xuân Thượng	0,02	0,02	0,02			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Thượng (Vị trí 5)	xã Xuân Thượng	0,03	0,03	0,03			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Vinh (Vị trí 1)	xã Xuân Vinh	0,08	0,08	0,08			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Vinh (Vị trí 2)	xã Xuân Vinh	0,08	0,08	0,08			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở xã Xuân Vinh (Vị trí 3)	xã Xuân Vinh	0,08	0,08	0,08			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Xuân Trường	
<b>7</b>	<b>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</b>		<b>2,38</b>	<b>1,90</b>	<b>1,90</b>		<b>0,48</b>			
	<b>Huyện Nam Trực</b>		<b>2,38</b>	<b>1,90</b>	<b>1,90</b>		<b>0,48</b>			
	Dự án xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tỉnh Nam Định tại xã Nghĩa An của Công ty CPDV Đức Sinh)	xã Nghĩa An	2,38	1,90	1,90		0,48	- Đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021. Đề nghị chuyển tiếp để thực hiện dự án - Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 huyện Nam Trực	
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>403,88</b>	<b>374,13</b>	<b>367,01</b>		<b>29,57</b>	<b>0,18</b>		